Chi tiết mã HS 9701.91.00

Mã HS	9701.91.00
Mô tả hàng hóa	Tranh vẽ, tranh phác họa và tranh bột màu, được vẽ hoàn toàn bằng tay, trừ các loại tranh phác họa thuộc nhóm 49.06 và trừ các tác phẩm vẽ hoặc trang trí bằng tay; các tác phẩm ghép, tranh khảm và phù điêu trang trí tương tự / - Loại khác: / - - Tranh vẽ, tranh phác họa và tranh bột màu
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	05/11/2026 21:25:38
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/97019100/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K19029
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N19029
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q19029
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VNCU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2023 - 2027	VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	1	1%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	2.9	2,9%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E18293
ATIGA	2022	2022	0	AT!E18222
ATIGA	2023	2023	0	AT!F18222
ATIGA	2024	2024	0	AT!G18222
ATIGA	2025	2025	0	AT!H18222
ATIGA	2026	2026	0	AT!I18222
ATIGA	2027	2027	0	AT!J18222
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E18278
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F18278
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G18278
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H18278

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I18278
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J18278
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E18279
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F18279
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G18279
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H18279
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I18279
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J18279
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F18284
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H18241
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F18236
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G18236
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H18236
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I18236
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J18236
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K18236
VKFTA	2022	2022	0	VK!E18284
VKFTA	2023	2023	0	VK!F18284
VKFTA	2024	2024	0	VK!G18284
VKFTA	2025	2025	0	VK!H18284
VKFTA	2026	2026	0	VK!I18284
VKFTA	2027	2027	0	VK!J18284
VCFTA	2022	2022	5	VC!D18348
VCFTA	2023	2023	5	VC!E18348
VCFTA	2024	2024	0	VC!F18348
VCFTA	2025	2025	0	VC!G18348

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H18348
VCFTA	2027	2027	0	VC!I18348
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D18322
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E18322
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F18322
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G18322
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H18322
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I18322
VNCU	2022	2022	0	VNCU!D1086
VNCU	2023 - 2027		0	VNCU!E1086
AHKFTA	2022	2022	3	AKH!D18315
AHKFTA	2023	2023	2	AKH!E18315
AHKFTA	2024	2024	2	AKH!F18315
AHKFTA	2025	2025	1	AKH!G18315
AHKFTA	2026	2026	1	AKH!H18315
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I18315
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D18345
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E18345
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F18345
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G18345
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H18345
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I18345
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D18344
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E18344
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F18344
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G18344

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H18344
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I18344
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D18438
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E18438
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F18438
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G18438
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H18438
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I18438
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J18438
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D18309
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E18309
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F18309
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G18309
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H18309
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I18309
RCEP B	2022	2022	0	B!D18309
RCEP B	2023	2023	0	B!E18309
RCEP B	2024	2024	0	B!F18309
RCEP B	2025	2025	0	B!G18309
RCEP B	2026	2026	0	B!H18309
RCEP B	2027	2027	0	B!I18309
RCEP C	2022	2022	0	C!D18307
RCEP C	2023	2023	0	C!E18307
RCEP C	2024	2024	0	C!F18307
RCEP C	2025	2025	0	C!G18307
RCEP C	2026	2026	0	C!H18307

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I18307
RCEP D	2022	2022	0	D!D18306
RCEP D	2023	2023	0	D!E18306
RCEP D	2024	2024	0	D!F18306
RCEP D	2025	2025	0	D!G18306
RCEP D	2026	2026	0	D!H18306
RCEP D	2027	2027	0	D!I18306
RCEP E	2022	2022	0	E!D18311
RCEP E	2023	2023	0	E!E18311
RCEP E	2024	2024	0	E!F18311
RCEP E	2025	2025	0	E!G18311
RCEP E	2026	2026	0	E!H18311
RCEP E	2027	2027	0	E!I18311
RCEP F	2022	2022	0	F!D18309
RCEP F	2023	2023	0	F!E18309
RCEP F	2024	2024	0	F!F18309
RCEP F	2025	2025	0	F!G18309
RCEP F	2026	2026	0	F!H18309
RCEP F	2027	2027	0	F!I18309
VIFTA	2024	2024	4,3	VI!F17159
VIFTA	2025	2025	3.6	VI!G17159
VIFTA	2026	2026	2.9	VI!H17159
VIFTA	2027	2027	2.1	VI!I17159

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
HS-004	YELLOW	Mã HS mới từ Danh mục 2023	Mã 9701.91.00 được đánh dấu là mã mới bổ sung trong biểu thuế 2023 (worksheet MOI). Hợp đồng, C/O hoặc tài liệu cũ có thể dùng mã 2017.	MOI: 9701.91.00	31/2022/TT-BTC	Đảm bảo C/O và chứng từ thể hiện mã HS phù hợp; file nguồn không cung cấp bảng tương quan mã cũ–mới.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9701.91.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 9701.91.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N19029), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.